

Số: 28 /2009/QĐ-UBND

Biên Hòa, ngày 21 tháng 4 năm 2009

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Đề án Phát triển Năng suất Chất lượng tỉnh Đồng Nai
giai đoạn 2006 – 2015.**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng Nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Quyết định số 67/2006/QĐ-TTg, ngày 21/03/2006 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ khoa học và công nghệ chủ yếu giai đoạn 2006 - 2010;

Căn cứ Quyết định số 33/2003/QĐ-TTg ngày 04/03/2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2001 – 2010;

Căn cứ Chỉ thị số 40/2005/CT-TTg ngày 16 tháng 12 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp tục đẩy mạnh công tác trợ giúp phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 89/TTr-SKH-CN ngày 26/12/2008 về việc thông qua Đề án Phát triển Năng suất Chất lượng tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2006 – 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Đề án Phát triển Năng suất Chất lượng tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2006 – 2015 (Đề án đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa và các doanh nghiệp có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch và các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh, Phó Văn phòng CNN;
- Lưu: VT, CNN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Văn Vinh



ĐỀ ÁN

Phát triển Năng suất Chất lượng tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2006 – 2015
(Kèm theo Quyết định số 28 /2009/QĐ-UBND ngày 21 tháng 4 năm 2009 của UBND tỉnh Đồng Nai).

I. SỰ CẦN THIẾT PHẢI THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

Tỉnh Đồng Nai là một trong những tỉnh nằm trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, tốc độ phát triển kinh tế - xã hội cao hơn bình quân cả nước, mức tăng trưởng bình quân GDP trong 05 năm qua là 12,8 % vượt mục tiêu Nghị quyết đề ra (mục tiêu tăng từ 10 đến 12 %) cao hơn so với 12 % của 05 năm 1996 - 2000 và tăng hơn gấp 2 lần mức tăng trưởng chung của cả nước (7, 2 %); toàn tỉnh đã có 24 khu công nghiệp được Chính phủ phê duyệt; hàng năm tạo việc làm cho 70.000 lao động; trong đó lao động qua đào tạo đạt 47%; trên toàn địa bàn đã chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng Công nghiệp - Xây dựng 57,7%; Dịch vụ 30,2%; Nông - lâm - thủy 12,1%; cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động, cơ cấu đầu tư đều chuyển dịch theo hướng công nghiệp hóa - hiện đại hóa - đô thị hóa.

Định hướng đến năm 2015 tỉnh Đồng Nai cơ bản hoàn thành mục tiêu là tỉnh công nghiệp hóa hiện đại hóa và đến năm 2020 trở thành tỉnh công nghiệp hóa hiện đại hóa. Theo đó, sự phát triển mọi mặt của tỉnh đều theo tiêu chí bền vững của xã hội văn minh, hiện đại.

Trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, hoạt động Khoa học và Công nghệ đóng vai trò then chốt - trong đó vấn đề Năng suất Chất lượng có hàm lượng Khoa học và Công nghệ cao đóng vai trò rất quan trọng, trải khắp các lĩnh vực, các ngành và các địa phương trong sự phát triển kinh tế - xã hội của từng địa phương và trong cả nước. Để việc cải tiến, nâng cao năng suất chất lượng trong các ngành kinh tế của Tỉnh phải khẩn trương đổi mới công nghệ cũ, lạc hậu, đẩy nhanh tiến độ áp dụng công nghệ mới, công nghệ tiên tiến vào từng ngành, từng lĩnh vực sản xuất để tạo ra sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ có chất lượng và mang tính cạnh tranh cao, đáp ứng yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế. Ở Việt Nam các hoạt động cải tiến năng suất chất lượng bước đầu đã được triển khai thực hiện ở các ngành, các địa phương, tuy nhiên các hoạt động này vẫn chưa tạo được thành phong trào rộng rãi và đều khắp trong các cấp lãnh đạo, các tổ chức, doanh nghiệp và mọi người dân - chưa tạo thành một phong trào có tính đồng bộ giữa các ngành các cấp. Bộ Khoa học và Công nghệ đã có chủ trương phát động thành phong trào năng suất chất lượng trong cả nước ở Thập niên chất lượng 2006-2015.

Tỉnh Đồng Nai là một trong số các địa phương có nền kinh tế phát triển và năng động trong cả nước, rất cần thiết tạo lập và thực hiện sớm đề án “Phát triển năng suất chất lượng”, nhằm mục đích sâu chuỗi tất cả các hoạt động năng suất chất lượng của tỉnh nhà, vận dụng các lợi thế của từng ngành từng địa phương

để tạo nên sức mạnh tổng thể nhằm tạo lên phong trào năng suất chất lượng trong toàn bộ các lĩnh vực, trong toàn dân của Tỉnh là rất cần thiết .

II. CĂN CỨ ĐỂ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Nghị quyết số 62/2006/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai khóa VII và Nghị quyết Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lần thứ VIII (nhiệm 2006 – 2010).

2. Nghị định số 102/2003/NĐ-CP ngày 03/9/2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

3. Căn cứ Chỉ thị số 40/2005/CT-TTg ngày 16 tháng 12 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp tục đẩy mạnh công tác trợ giúp phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ;

4. Quyết định số 144/2006/QĐ-TTg ngày 20/06/2006 của Thủ tướng Chính phủ Quy định về việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2000 vào hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước.

5. Chương trình số 8396/Ctr-HTQT ngày 26/12/2005 của Ban Hợp tác KTQT tỉnh Đồng Nai về chương trình hỗ trợ xây dựng và áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến cho các tổ chức/doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2001 – 2010.

6. Chương trình số 8395/Ctr-HTQT ngày 26/12/2005 của Ban Hợp tác KTQT tỉnh Đồng Nai về chương trình khoa học và công nghệ hỗ trợ các doanh nghiệp bảo hộ tài sản trí tuệ trong quá trình

7. Căn cứ Chiến lược phát triển năng lượng Quốc gia ban hành theo Quyết định 1855/QĐ-TTg ngày 27/12/2007 của Thủ tướng Chính phủ.

8. Chương trình mục tiêu về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả Tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2006- 2015.

9. Quyết định số 33/2003/QĐ-TTg ngày 04/03/2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2001 – 2010.

III. QUAN ĐIỂM VÀ MỤC TIÊU

1. Quan điểm

- Góp phần thực hiện mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh;

- Xác định đúng các khâu trọng tâm, các ngành, lĩnh vực, sản phẩm có lợi thế và phù hợp với xu thế phát triển của cả nước và thế giới.

2. Mục tiêu

a) Mục tiêu chung

Hình thành phong trào năng suất sâu rộng trong cả Tỉnh, nhằm góp phần thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế của Tỉnh với tốc độ cao, hiệu quả và bền vững. Phát huy tối đa mọi nguồn lực, tạo được những sự bứt phá về chất lượng và gia tăng nhịp độ phát triển kinh tế xã hội của địa phương.

b) Mục tiêu cụ thể

- Hình thành phong trào nâng cao năng suất - chất lượng trong mọi hoạt động của xã hội; tăng lợi thế cạnh tranh cho hàng hóa, dịch vụ của tỉnh Đồng Nai trong điều kiện hội nhập kinh tế, từ đó góp phần vào sự tăng trưởng của nền kinh tế địa phương nhanh chóng và bền vững;

- Tạo sự liên kết giữa các ngành, các cấp trong Tỉnh nhằm phối hợp, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình hoạt động nâng suất chất lượng của địa phương, để tạo thành sức mạnh tổng thể thực hiện thành công mục tiêu phát triển kinh tế xã hội tỉnh nhà;

- Không ngừng nâng cao nhận thức về hoạt động năng suất chất lượng cho các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp và toàn cộng đồng ;

- Từng bước thực hiện các Chương trình hỗ trợ áp dụng khoa học và công nghệ để nâng cao năng suất chất lượng cho một số ngành và sản phẩm chủ lực của tỉnh .

- Thông qua Đề án để chọn ra một số sản phẩm chủ lực cho địa phương, làm nguồn lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế xã hội của tỉnh.

- Phân đấu đến năm 2015: có 100% sản phẩm chủ lực ở địa phương áp dụng các tiêu chuẩn quốc tế để phục vụ cho xuất khẩu; thực hiện chứng nhận sản phẩm phù hợp chuẩn, hợp quy, đảm bảo 100% hàng hoá thuộc danh mục phải chứng nhận hợp chuẩn, hợp quy được tiến hành chứng nhận.

- Xây dựng được đội ngũ nhân lực có trình độ cao đủ năng lực để tư vấn về năng suất chất lượng, đồng thời nâng cao cơ sở vật chất khoa học và công nghệ luôn đáp ứng được các yêu cầu phát triển kinh tế xã hội của địa phương.

- Phân đấu đến năm 2015 có khoảng 80% các doanh nghiệp trên địa bàn Tỉnh (trong đó 100% doanh nghiệp xuất khẩu) áp dụng các Hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến nhằm nâng cao chất lượng sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp.

IV. CÁC GIAI ĐOẠN THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

Để thực hiện những mục tiêu của Đề án trong giai đoạn 2006-2015, Đề án tổ chức triển khai theo ba giai đoạn:

a) Giai đoạn từ 2006 đến 2008: Tiến hành khảo sát tình hình thực tiễn và xây dựng các chương trình của Đề án

b) Giai đoạn từ 2008 đến 2010: Thực hiện triển khai đề án, tạo tiền đề thực hiện phong trào năng suất chất lượng ở địa phương. Trong giai đoạn này tiến hành triển khai thực hiện 03 chương trình cơ bản sau :

Chương trình 1: *Chương trình hỗ trợ các tổ chức/doanh nghiệp tỉnh Đồng Nai xây dựng và áp dụng các Hệ thống quản lý tiên tiến và đẩy mạnh công tác tiêu chuẩn hóa, cải tiến chất lượng phục vụ tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế của tỉnh*

I. Mục tiêu

1. Xây dựng các hệ thống quản lý tiên tiến

- Nâng cao nhận thức về các hệ thống quản lý tiên tiến theo các tiêu chuẩn quốc tế như ISO 9000, ISO 14000, HACCP, . . . cho lãnh đạo các Sở, ban,

ngành, tổ chức hội ngành nghề và các doanh nghiệp... trong tỉnh tạo ra sự chuyển biến về nhận thức và quan điểm để triển khai thực hiện.

- Giúp cho các doanh nghiệp nhận thức và hiểu rõ được tầm quan trọng trong việc áp dụng các công cụ cải tiến năng suất chất lượng cho hoạt động sản xuất của doanh nghiệp nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh của các doanh nghiệp khi Việt Nam gia nhập WTO.

- Việc áp dụng các hệ thống quản lý tiên tiến trong các hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước nhằm cải cách các thủ tục hành chính, đào tạo đội ngũ cán bộ công chức đạt trình độ chuyên nghiệp, xây dựng nền hành chính của dân, do dân và vì dân.

- Giúp các cơ quan hành chính nhà nước trong tỉnh thiết lập phương thức làm việc khoa học và thống nhất, nâng cao tính hiệu lực, hiệu quả trong hoạt động quản lý của các đơn vị, thỏa mãn nhu cầu ngày càng cao của nhân dân và các tổ chức có liên quan để đáp ứng cải cách hành chính của Tỉnh.

- Việc áp dụng các hệ thống quản lý tiên tiến trong các hoạt động doanh nghiệp cũng góp phần trong việc bảo vệ môi trường, bảo vệ sức khỏe cho người lao động, nâng cao trách nhiệm của mình đối với xã hội và xây dựng hệ thống an ninh thông tin cho đơn vị mình trong thời kỳ mà việc áp dụng công nghệ thông tin trong hoạt động điều hành công việc trở nên phổ biến.

- Đồng thời để đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp, các doanh nghiệp có thể tham gia Giải thưởng chất lượng Việt Nam hàng năm, đây là hoạt động giúp cho các doanh nghiệp đánh giá lại hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp và tìm ra được giải pháp cải tiến hoạt động quản lý doanh nghiệp, hoạt động nâng cao năng suất chất lượng tại doanh nghiệp.

2. Nâng cao chất lượng sản phẩm, hàng hóa

Song song với việc phát triển các hệ thống quản lý, việc nâng cao chất lượng sản phẩm của doanh nghiệp cũng cần phải được quan tâm vì một doanh nghiệp đạt chứng nhận chất lượng chưa chắc đã có năng suất cao và bền vững. Do đó trong giai đoạn này mục tiêu của chương trình là:

- Tăng cường công tác tiêu chuẩn hoá trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Đến năm 2015 có ít nhất 50 % sản phẩm chủ lực của Tỉnh được chứng nhận sản phẩm hợp quy;

- 100 % các sản phẩm chủ lực của Tỉnh có mức chất lượng phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế, khu vực, tiêu chuẩn Việt Nam hoặc tiêu chuẩn của nước nhập khẩu sản phẩm đó .

II. Nội dung thực hiện

1. Hỗ trợ xây dựng các hệ thống quản lý tiên tiến và tham gia Giải thưởng chất lượng Việt Nam

- Hỗ trợ các cơ quan hành chính nhà nước cấp tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh đều áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2000 từ 2006 – 2010. Sau năm 2010 – 2015 tiếp tục tiến hành hỗ trợ các cơ quan hành chính nhà nước cấp xã trong việc xây dựng hệ thống

quản lý chất lượng theo ISO 9001:2000, trong đó khuyến khích các đơn vị áp dụng ISO online.

- Tổ chức các khóa tập huấn, đào tạo cho Doanh nghiệp, Doanh nghiệp vừa và nhỏ, cơ quan hành chính nhà nước về các nội dung như:

+ Nhận thức về các hệ thống quản lý tiên tiến.

+ Các công cụ thống kê để cải tiến năng suất chất lượng

+ Đào tạo các chuyên gia đánh giá nội bộ, chuyên gia đánh giá trưởng về các hệ thống quản lý tiên tiến nhằm giúp cho các đơn vị có thể đánh giá hệ thống của mình và cải tiến hệ thống.

- Các hệ thống quản lý tiên tiến khuyến khích áp dụng trong chương trình này gồm:

* Các hệ thống quản lý chất lượng: ISO 9000;

* Hệ thống quản lý môi trường: ISO 14000 ;

* Hệ thống an ninh thông tin: ISO/IEC 27000;

* Hệ thống quản lý an toàn, vệ sinh: ISO 22000, ISO 18000 ...;

* Hệ thống quản lý ERP

* Các hệ thống quản lý khác: SA 8000, TQM, ISO 26000, 5S, Kaizen,...

- Thí điểm đưa vào áp dụng tiêu chuẩn ISO 9004 đối với một số Doanh nghiệp để rút kinh nghiệm và nhân rộng việc cải tiến liên tục hệ thống quản lý chất lượng của các đơn vị .

- Tiến hành kiểm tra và giám sát việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo ISO 9001:2000 tại cơ quan hành chính nhà nước.

- Hỗ trợ doanh nghiệp tham gia Giải thưởng chất lượng Việt Nam hàng năm: hỗ trợ kinh phí tham gia Giải thưởng và kinh phí thuê tư vấn lập báo cáo hồ sơ tham gia Giải thưởng.

2. Hỗ trợ xây dựng tiêu chuẩn và quy chuẩn

- Tổ chức tuyên truyền về công tác tiêu chuẩn hoá trong mọi tầng lớp nhân dân về vai trò và lợi ích của nó.

- Xây dựng, áp dụng quy chuẩn địa phương cho các sản phẩm chủ lực của tỉnh chưa có quy chuẩn Việt Nam;

- Hỗ trợ các cơ sở, doanh nghiệp, làng nghề trong việc xây dựng tiêu chuẩn cơ sở cho sản phẩm có thế mạnh và mang tính đặc thù của tỉnh Đồng Nai.

- Triển khai hoạt động đánh giá sự phù hợp của chất lượng sản phẩm với TCVN, tiêu chuẩn nước ngoài, tiêu chuẩn khu vực, tiêu chuẩn quốc tế, quy chuẩn Việt Nam, quy chuẩn địa phương cho hàng hoá xuất khẩu và hàng hoá tiêu thụ trong nước nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp nâng cao năng lực cạnh tranh cho sản phẩm trong và ngoài nước, đáp ứng yêu cầu thị trường của quá trình hội nhập kinh tế quốc tế;

- Thực hiện chứng nhận sản phẩm an toàn cho các sản phẩm trong danh mục bắt buộc và các sản phẩm xuất khẩu của tỉnh;
- Xây dựng thư viện điện tử về tiêu chuẩn Việt Nam, tiêu chuẩn nước ngoài, tiêu chuẩn quốc tế, quy chuẩn Việt Nam, quy chuẩn địa phương.
- rà soát lại các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật của tỉnh theo từng ngành, từng lĩnh vực;

III. Giải pháp thực hiện

1. Kinh phí hỗ trợ

1.1 Hỗ trợ xây dựng hệ thống quản lý tiên tiến

- Đối với các đơn vị hành chính công, mức kinh phí hỗ trợ là 100% bao gồm kinh phí tư vấn, kinh phí đánh giá chứng nhận và kinh phí cho đơn vị thực hiện.
- Đối với doanh nghiệp mức hỗ trợ bằng 50% giá trị hợp đồng tư vấn xây dựng hệ thống nhưng mức kinh phí hỗ trợ cho mỗi doanh nghiệp tối đa là 40 triệu đồng.
- Đào tạo các chuyên gia về đánh giá các hệ thống quản lý tiên tiến với kinh phí 10 triệu đồng/khóa.
- Tổ chức các khóa tập huấn về việc áp dụng các công cụ cải tiến nâng cao năng suất chất lượng cho các doanh nghiệp với kinh phí 10 triệu đồng/khóa.
- Kinh phí hỗ trợ doanh nghiệp tham gia Giải thưởng Chất lượng Việt Nam với mức hỗ trợ tối đa như sau:
 - + Đối với các doanh nghiệp lớn: mức hỗ trợ tối đa là 18 triệu đồng/đơn vị
 - + Đối với các doanh nghiệp vừa và nhỏ: mức hỗ trợ tối đa là 16 triệu đồng/đơn vị

1.2 Hỗ trợ xây dựng tiêu chuẩn và quy chuẩn

- Hỗ trợ một phần kinh phí cho việc xây dựng các tiêu chuẩn cơ sở cho các sản phẩm chủ lực của địa phương với mức hỗ trợ 50% kinh phí xây dựng nhưng tối đa 10 triệu đồng cho mỗi doanh nghiệp.
- Hỗ trợ các doanh nghiệp, làng nghề, cơ sở đánh giá hợp chuẩn, hợp quy cho các sản phẩm chủ lực của tỉnh với mức hỗ trợ 50% kinh phí đánh giá nhưng tối đa là 05 triệu đồng cho mỗi doanh nghiệp.
- Hỗ trợ cho các cơ sở, doanh nghiệp, làng nghề trong việc thiết lập kế hoạch đảm bảo chất lượng sản phẩm của mình luôn tuân theo tiêu chuẩn đề ra với mức hỗ trợ 50% kinh phí thực hiện nhưng tối đa là 07 triệu đồng cho một đơn vị.

2. Nguồn kinh phí hỗ trợ

Từ nguồn ngân sách sự nghiệp khoa học công nghệ hàng năm do UBND tỉnh Đồng Nai giao.

Chương trình 2: Chương trình phát triển tài sản trí tuệ của Doanh nghiệp

I. Mục tiêu

- Nâng cao nhận thức về bảo vệ tài sản trí tuệ của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, giúp các doanh nghiệp chủ động xây dựng, khai thác phát triển và bảo vệ tài sản trí tuệ.

- Nâng cao năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp Đồng Nai thông qua việc hỗ trợ xác lập, khai thác, bảo vệ, phát triển tài sản trí tuệ và quảng bá các tài sản trí tuệ này thông qua việc xây dựng Website cho các doanh nghiệp. Phấn đấu đến năm 2010, đa số các doanh nghiệp sản xuất hàng hoá và dịch vụ trọng điểm của tỉnh đều đăng ký quyền sở hữu công nghiệp (nhãn hiệu hàng hoá, kiểu dáng công nghiệp, sáng chế, giải pháp hữu ích) trong và ngoài nước, đều có website để quảng bá sản phẩm cũng như tài sản trí tuệ của doanh nghiệp.

II. Nội dung thực hiện

- Khảo sát nhu cầu và năng lực: Tiến hành rà soát các doanh nghiệp đã đăng ký bảo hộ sở hữu trí tuệ, doanh nghiệp đang có nhu cầu đăng ký bảo hộ và doanh nghiệp chưa đăng ký bảo hộ. Từ đó, có cách tiếp cận và hỗ trợ các doanh nghiệp đăng ký và duy trì việc bảo hộ tài sản sở hữu trí tuệ.

- Phối hợp với các Sở, Ban, Ngành tổ chức các lớp tập huấn, hội thảo chuyên đề về sở hữu trí tuệ: hướng dẫn các kiến thức cơ bản về việc thiết kế, đăng ký bảo hộ, khai thác, giới thiệu sản phẩm và phát triển nhãn hiệu, kiểu dáng công nghiệp cho các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng và duy trì hệ thống cơ sở dữ liệu về sở hữu trí tuệ bao gồm các VBPL về sở hữu trí tuệ; các Hiệp định, Công ước, thỏa ước quốc tế liên quan đến sở hữu trí tuệ... để cung cấp các thông tin cần thiết giúp doanh nghiệp xác lập, khai thác bảo vệ và phát triển tài sản trí tuệ ở trong nước và nước ngoài.

- Duy trì chuyên mục thông tin chuyên đề về sở hữu trí tuệ trên Tạp san Khoa học và Công nghệ tỉnh Đồng Nai.

- Xây dựng và duy trì chuyên mục hỏi đáp về sở hữu trí tuệ nhằm tuyên truyền và phổ biến rộng rãi các kiến thức cơ bản và quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ đến các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Hướng dẫn và hỗ trợ doanh nghiệp đăng ký nhãn hiệu hàng hóa, kiểu dáng công nghiệp, sáng chế, giải pháp hữu ích.

- Hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng và phát triển tài sản trí tuệ đối với thành quả sáng tạo khoa học công nghệ: khuyến khích lao động sáng tạo trong doanh nghiệp; đưa thông tin sở hữu trí tuệ vào hoạt động nghiên cứu, sáng tạo khoa học công nghệ; xác lập, khai thác và bảo vệ tài sản trí tuệ đối với sản phẩm sáng tạo khoa học công nghệ.

- Đào tạo đội ngũ cán bộ tư vấn/ kỹ thuật cho các doanh nghiệp tham gia chương trình.

- Hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng website nhằm quảng bá và giới thiệu hình ảnh của doanh nghiệp.

III. Giải pháp thực hiện

1. Kinh phí hỗ trợ

1.1. Hỗ trợ trực tiếp

a) Tỷ lệ hỗ trợ kinh phí:

+ *Sáng chế/Giải pháp hữu ích*: Chi hỗ trợ cho các sáng chế/giải pháp hữu ích đăng ký trong nước, ưu tiên hỗ trợ cho các giải pháp đoạt giải Hội thi Sáng tạo kỹ thuật hàng năm.

- Tư vấn tra cứu thông tin, viết bản mô tả sáng chế/giải pháp hữu ích,... mức hỗ trợ tối đa là 5.000.000 đồng/hợp đồng.

- Hỗ trợ 100% lệ phí nộp đơn theo qui định của pháp luật hiện hành.

+ *Kiểu dáng công nghiệp*: Chi hỗ trợ kiểu dáng công nghiệp trong nước.

- Tư vấn nghiên cứu, thiết kế kiểu dáng công nghiệp, mức hỗ trợ tối đa là 5.000.000 đồng/hợp đồng.

- Hỗ trợ 100% lệ phí nộp đơn theo qui định của pháp luật hiện hành.

+ *Nhãn hiệu hàng hóa đăng ký trong nước*:

- Tư vấn nghiên cứu, thiết kế kiểu dáng công nghiệp, mức hỗ trợ tối đa là 5.000.000 đồng/hợp đồng.

- Hỗ trợ 100% lệ phí nộp đơn theo qui định của pháp luật hiện hành.

+ *Nhãn hiệu hàng hóa đăng ký ở nước ngoài*:

Hỗ trợ kinh phí đăng ký 1 nhãn hiệu tại 1 quốc gia theo qui định pháp luật hiện hành của quốc gia đó. Trường hợp nhãn hiệu đăng ký theo hệ thống cộng đồng (Một đơn đăng ký nhiều quốc gia) chỉ hỗ trợ kinh phí theo số lượng đầu đơn, mức hỗ trợ tối đa là 15.000.000 đồng/đầu đơn.

+ *Xây dựng website*:

Hỗ trợ kinh phí 10.000.000 đồng cho việc thiết kế, xây dựng 1 website cho 1 doanh nghiệp. Một doanh nghiệp chỉ được hỗ trợ cho việc thiết kế, xây dựng 1 website.

b) Phương thức hỗ trợ:

+ *Đăng ký trong nước*: Kinh phí hỗ trợ (bao gồm cả phí tư vấn và phí đăng ký quốc gia) được cấp một lần sau khi có: Đơn xin hỗ trợ có xác nhận của ngành chủ quản (nếu có), Bản sao bộ hồ sơ đăng ký theo qui định, Biên nhận đơn của Cục Sở hữu trí tuệ.

+ *Đăng ký ra nước ngoài*: Kinh phí hỗ trợ được cấp 1 lần khi có: Đơn xin hỗ trợ có xác nhận của ngành chủ quản (nếu có), Bản sao bộ hồ sơ đăng ký theo qui định, Biên nhận đơn của cơ quan quản lý Sở hữu công nghiệp của nước nhận đơn đăng ký bảo hộ.

1.2. Hỗ trợ gián tiếp

Bên cạnh việc hỗ trợ kinh phí trực tiếp, các doanh nghiệp tham gia Chương trình còn được hưởng một số chế độ hỗ trợ gián tiếp như: được nhận tư vấn hướng dẫn thiết lập hồ sơ, tra cứu sơ bộ về các đối tượng sở hữu công nghiệp trước khi đăng ký bảo hộ miễn phí; được hỗ trợ, hướng dẫn lựa chọn các đại diện sở hữu công nghiệp có uy tín; được hỗ trợ quảng bá các nhãn hiệu hàng hóa đã

được cấp văn bằng bảo hộ; được cung cấp miễn phí một số tài liệu liên quan...

2. Nguồn kinh phí hỗ trợ

Từ nguồn ngân sách sự nghiệp khoa học công nghệ hàng năm do UBND tỉnh Đồng Nai giao.

Chương trình 3: Chương trình hỗ trợ Doanh nghiệp tăng cường nghiên cứu, đầu tư đổi mới công nghệ, thực hiện chuyển giao công nghệ và tiết kiệm năng lượng.

I. Mục tiêu

- Chương trình Hỗ trợ doanh nghiệp tăng cường nghiên cứu đầu tư, đổi mới công nghệ, chuyển giao công nghệ, tiết kiệm năng lượng tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2006 - 2015 (sau đây gọi là Chương trình) là các hoạt động hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp tham gia chương trình nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm và năng lực cạnh tranh, hoạt động điều hành trong doanh nghiệp nhằm góp phần thực hiện thành công mục tiêu nhiệm vụ phát triển của tỉnh.

- Tăng cường năng lực ứng dụng và khai thác công nghệ thông tin phục vụ công tác quản lý, điều hành, quảng bá thương hiệu và tăng sức cạnh tranh cho các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

- Đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu các công nghệ mới cũng như chuyển giao các công nghệ tiên tiến hiện đại nhằm tạo ra sản phẩm mới với chất lượng tốt hơn tăng khả năng cạnh tranh của các doanh nghiệp.

- Nâng cao nhận thức, hiểu biết về tiết kiệm năng lượng trong sản xuất và kinh doanh của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Đẩy mạnh đầu tư vào lĩnh vực tiết kiệm năng lượng của các doanh nghiệp sản xuất cũng như các nhà cung cấp vốn đầu tư.

- Nâng cao năng lực sản xuất, hiệu suất sử dụng năng lượng cho các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, qua đó nâng cao trình độ công nghệ và tính cạnh tranh của ngành công nghiệp và dịch vụ trên địa bàn tỉnh.

- Nâng cao ý thức tiêu thụ các sản phẩm tiết kiệm năng lượng, bảo hộ và quảng bá các sản phẩm tiết kiệm năng lượng hữu ích.

II. Nội dung thực hiện

1. Hỗ trợ doanh nghiệp nghiên cứu phát triển sản phẩm mới, cải tiến, đổi mới công nghệ và hỗ trợ chi phí chuyển giao công nghệ

- Hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện các đề tài, dự án nghiên cứu phát triển sản phẩm mới, nghiên cứu cải tiến, đổi mới thiết bị công nghệ; nghiên cứu chế tạo nguyên vật liệu mới, sử dụng nguyên vật liệu trong nước thay cho nhập khẩu; nghiên cứu ứng dụng khoa học vào sản xuất, kinh doanh.

- Hỗ trợ các doanh nghiệp nghiên cứu, ứng dụng các thành tựu khoa học và công nghệ vào sản xuất nhằm nâng cao năng suất chất lượng sản phẩm và hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

- Hỗ trợ tư vấn khoa học công nghệ thực hiện các biện pháp nghiên cứu đổi mới công nghệ, cơ khí hóa, tự động hóa và áp dụng các công nghệ mới, tiên tiến, tăng cường các hoạt động về chuyển giao công nghệ, nhằm từng bước đổi mới công nghệ trong doanh nghiệp.

- Hỗ trợ cho các doanh nghiệp về tư vấn ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ vào trong thực tế sản xuất, kinh doanh. Khuyến khích các hoạt động nghiên cứu triển khai do doanh nghiệp tự thực hiện, hoặc ký hợp đồng với các tổ chức cá nhân trong và ngoài nước.

- Hỗ trợ chi phí chuyển giao công nghệ mới cho các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh trên địa bàn như: chuyển giao mới máy móc thiết bị, công nghệ, bí quyết, các phần mềm quản lý, các hệ thống bảo mật và an toàn thông tin cho các doanh nghiệp...

- Phát triển các hoạt động dịch vụ tư vấn khoa học và công nghệ, tư vấn quản lý khoa học công nghệ, tư vấn quản lý kinh doanh, bồi dưỡng, huấn luyện nghiệp vụ nhằm kiến thức khoa học công nghệ và quản lý.

- Tư vấn cho doanh nghiệp lựa chọn giải pháp, chuyển giao và triển khai ứng dụng công nghệ thông tin phù hợp với hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

- Hỗ trợ xây dựng và phát triển các hệ thống website giới thiệu và quảng bá thương hiệu, quảng bá sản phẩm; xúc tiến phát triển các sàn giao dịch thương mại điện tử của các doanh nghiệp, xúc tiến các hoạt động giao dịch thương mại điện tử cho doanh nghiệp.

2. Hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện tiết kiệm năng lượng

- Lựa chọn và tiến hành kiểm toán năng lượng cho một số cơ sở sản xuất thép, lò gạch và kiểm toán năng lượng cho các lò hơi trên địa bàn tỉnh.

- Cung cấp những chính sách, những quy định của nhà nước về lĩnh vực tiết kiệm năng lượng; cung cấp những thông tin khoa học công nghệ về tiết kiệm năng lượng để giúp doanh nghiệp sớm tiếp cận với công nghệ mới, phù hợp sản xuất và sử dụng năng lượng hiệu quả.

- Tư vấn các giải pháp kỹ thuật hoặc quản lý cho từng doanh nghiệp trên cơ sở điều kiện thực tế của mỗi đơn vị;

- Tổ chức tập huấn, đào tạo và tuyên truyền về việc tiết kiệm năng lượng nhằm nâng cao nhận thức cho các doanh nghiệp. Việc tuyên truyền có thể thông qua báo, đài, tuyên truyền trên website về năng suất chất lượng của tỉnh.

III. Giải pháp thực hiện

1. Kinh phí thực hiện

1.1 Hỗ trợ doanh nghiệp nghiên cứu phát triển sản phẩm mới, cải tiến, đổi mới công nghệ và hỗ trợ chi phí chuyển giao công nghệ

- Hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện việc nghiên cứu phát triển sản phẩm mới, nghiên cứu cải tiến, đổi mới thiết bị công nghệ; nghiên cứu chế tạo nguyên vật

liệu mới, sử dụng nguyên vật liệu trong nước thay cho nhập khẩu; nghiên cứu ứng dụng khoa học vào sản xuất, kinh doanh. Mức hỗ trợ cho các nghiên cứu này là 25% tổng kinh phí nghiên cứu xây dựng dự án, đề tài nghiên cứu; nhưng tổng chi phí hỗ trợ cho một doanh nghiệp tối đa 50 triệu đồng.

- Hỗ trợ chi phí chuyển giao công nghệ: hỗ trợ 25% cho một lần nghiên cứu xây dựng đề án, dự án (bao gồm cả tư vấn) chuyển giao công nghệ mới (tiến tiến so với công nghệ cũ), nhưng tổng kinh phí hỗ trợ chuyển giao công nghệ cho một doanh nghiệp tối đa 50 triệu đồng một năm.

- Hỗ trợ tư vấn khoa học công nghệ: Các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh sẽ được hỗ trợ chi phí tư vấn như: Tư vấn đổi mới máy móc thiết bị, công nghệ; Tư vấn lập dự án đầu tư. Mức hỗ trợ cho tư vấn loại này là 20% giá trị hợp đồng tư vấn, nhưng tổng kinh phí hỗ trợ cho một doanh nghiệp tối đa 20 triệu đồng.

- Hỗ trợ cho các doanh nghiệp về tư vấn ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ vào trong thực tế sản xuất, kinh doanh. Mức hỗ trợ cho mỗi hợp đồng tư vấn là 20% giá trị hợp đồng; nhưng tổng kinh phí hỗ trợ cho một doanh nghiệp tối đa 20 triệu một năm.

- Hỗ trợ cho các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai chuyển giao và áp dụng các phần mềm quản lý công nghệ thông tin, xây dựng website tại đơn vị với mức hỗ trợ là 50% kinh phí nhưng tối đa 20 triệu đồng cho một đơn vị với các hình thức.

1.2. Hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện tiết kiệm năng lượng

- Hỗ trợ các doanh nghiệp xây dựng, ứng dụng giải pháp tiết kiệm năng lượng vào trong sản xuất kinh doanh. Mức kinh phí hỗ trợ cho một doanh nghiệp tối đa là 50 triệu đồng cho một tổ chức/doanh nghiệp.

- Hỗ trợ cho các tổ chức, doanh nghiệp tiến hành thực hiện Kiểm toán năng lượng và lập báo cáo khả thi đề xuất các giải pháp kỹ thuật cần thiết để thực hiện tiết kiệm năng lượng với mức hỗ trợ tối đa là 50 triệu đồng cho một tổ chức/doanh nghiệp.

- Tổ chức các buổi Hội thảo nhằm thực hiện công tác tuyên truyền, vận động mọi người dân, tổ chức và doanh nghiệp ý thức thực hiện tiết kiệm năng lượng trong sản xuất, kinh doanh cũng như trong mọi hoạt động của đời sống với kinh phí là 10 triệu đồng/đợt.

- Tổ chức các khóa đào tạo các cán bộ kiểm toán năng lượng, chuyên gia quản lý tiết kiệm năng lượng cho các tổ chức/ doanh nghiệp với kinh phí 20 triệu đồng/đợt

2. Nguồn kinh phí hỗ trợ

Từ nguồn ngân sách sự nghiệp khoa học công nghệ hàng năm do UBND tỉnh Đồng Nai giao.

c) Giai đoạn từ 2010 đến 2015: Qua các kết quả đạt được của giai đoạn 2008-2010, tiến hành sơ kết đánh giá và triển khai tiếp các chương trình có hiệu quả, triển

khai các chương trình mới phù hợp theo yêu cầu thực tế của địa phương.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thành lập Ban chỉ đạo Đề án “Phát triển Năng suất chất lượng tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2006-2015”

Ban Chỉ đạo Đề án nhằm thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Tham mưu, đề xuất UBND Tỉnh các chính sách.
- Ban chỉ đạo phân công nhiệm vụ cho từng thành viên, các thành viên chịu trách nhiệm trước Ban chỉ đạo và Ủy ban nhân dân tỉnh về nhiệm vụ được giao.

Thành phần Ban chỉ đạo gồm có:

- Trưởng Ban : Đ/c Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ
- Thành viên : Là đại diện có thẩm quyền của các đơn vị sau
 - + Sở Công Thương.
 - + Sở Y tế.
 - + Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn.
 - + Sở Kế hoạch và Đầu tư.
 - + Sở Tài chính.
 - + Sở Lao động – Thương binh và Xã hội.
 - + Sở Thông tin Truyền thông.
 - + Ban quản lý các khu công nghiệp.
 - + Liên minh các Hợp tác xã.
 - + Đài phát thanh và truyền hình Đồng Nai .
 - + Chi cục TCĐLCL – Thư ký.

2. Phân công thực hiện

a) Sở Khoa học và Công nghệ

- Là cơ quan tham mưu cho Chủ tịch UBND tỉnh thành lập Ban chỉ đạo Đề án.
- Là cơ quan thường trực tham mưu Ban chỉ đạo, tổng hợp và theo dõi tiến độ thực hiện chương trình, kế hoạch hoạt động, kế hoạch kinh phí hàng năm của chương trình. Tổng hợp báo cáo thực hiện chương trình trình Ban chỉ đạo và xây dựng quy chế làm việc của Ban chỉ đạo để Trưởng Ban ký ban hành.

- Công bố, phổ biến chương trình này trên các phương tiện thông tin đại chúng và các đơn vị liên quan, các doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế, hướng dẫn thủ tục cho các đơn vị có nhu cầu tham gia chương trình.

- Chủ trì và phối hợp các Sở ngành liên quan về nội dung hỗ trợ nâng cao trình độ quản lý doanh nghiệp, áp dụng các công cụ quản lý tiên tiến, sở hữu trí tuệ, công tác tiêu chuẩn hóa, quản lý đo lường, chất lượng cho các doanh nghiệp, các tổ chức.

- Chủ trì và Phối hợp với các Sở, ngành liên quan xây dựng và thực hiện nội dung hỗ trợ Tiết kiệm năng lượng, thiết kế sản phẩm, đổi mới công nghệ, thiết bị, quy trình sản xuất và áp dụng những kỹ thuật giống mới trong sản xuất cho các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế.

- Chủ trì phối hợp với các tổ chức trong và ngoài nước, đề xuất tổ chức các chuyến khảo sát, trao đổi kinh nghiệm.

- Thực hiện các chính sách hỗ trợ cho các doanh nghiệp theo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Tổng hợp kinh phí đưa vào dự toán kinh phí sự nghiệp khoa học hàng năm.

b) Sở Công thương

- Là thành viên trong Ban chỉ đạo, có trách nhiệm phối hợp với các Sở, ngành liên quan xem xét và thực hiện nội dung hỗ trợ các lĩnh vực liên quan đến Đề án.

- Cung cấp thông tin về nhu cầu hỗ trợ của các tổ chức, doanh nghiệp cho Ban chỉ đạo xem xét và giải quyết.

c) Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn

- Là thành viên trong Ban chỉ đạo, có trách nhiệm phối hợp với các Sở, ngành liên quan xem xét và thực hiện nội dung hỗ trợ các lĩnh vực liên quan đến Đề án.

- Cung cấp thông tin về nhu cầu hỗ trợ của các tổ chức, doanh nghiệp cho Ban chỉ đạo xem xét và giải quyết.

d) Sở Kế hoạch và Đầu tư

Là thành viên trong Ban chỉ đạo, có trách nhiệm phối hợp với các Sở, ngành liên quan:

- Cung cấp thông tin về các nguồn vốn vay (ODA) ưu đãi cho các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế.

- Cung cấp thông tin về nhu cầu hỗ trợ của các tổ chức, doanh nghiệp cho Ban chỉ đạo xem xét và giải quyết.

e) Sở Lao động – Thương binh và Xã hội

- Là thành viên trong Ban chỉ đạo, có trách nhiệm phối hợp với các Sở, ngành liên quan, các trường Trung học chuyên nghiệp, trường dạy nghề, trường Cao đẳng và Đại học thực hiện hỗ trợ các lĩnh vực liên quan đến Đề án.

- Tập hợp, cung cấp thông tin đào tạo nguồn nhân lực của các trường, Trung tâm dạy nghề ... cho Ban chỉ đạo để thông tin cho doanh nghiệp, hỗ trợ các doanh nghiệp ký hợp đồng đào tạo theo yêu cầu doanh nghiệp.

- Cung cấp thông tin về nhu cầu hỗ trợ của các tổ chức, doanh nghiệp cho Ban chỉ đạo xem xét và giải quyết.

f) Sở Thông tin Truyền thông

- Là thành viên trong Ban chỉ đạo, có trách nhiệm phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện nội dung liên quan đến Đề án.

- Cung cấp thông tin về nhu cầu hỗ trợ của các tổ chức, doanh nghiệp về lĩnh vực của đơn vị cho Ban chỉ đạo xem xét và giải quyết.

g) Sở Y tế

- Là thành viên trong Ban chỉ đạo, có trách nhiệm phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện Đề án.

- Cung cấp thông tin về nhu cầu hỗ trợ của các tổ chức, doanh nghiệp về lĩnh vực của đơn vị cho Ban chỉ đạo xem xét và giải quyết.

h) Sở Tài chính

- Trên cơ sở dự toán của các Sở, ngành xây dựng; Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp chung, Sở Tài chính thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ dự toán kinh phí thực hiện chương trình trong nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học công nghệ hàng năm. Hướng dẫn các đơn vị thực hiện thanh quyết toán theo quy định.

i) Sở Nội vụ

- Là thành viên trong Ban chỉ đạo, có trách nhiệm phối hợp với Sở ngành có liên quan theo dõi thực hiện Đề án phát triển nguồn nhân lực của tỉnh; thực hiện Chương trình Cải cách hành chính của tỉnh.

j) Liên minh Hợp tác xã

- Là thành viên trong Ban chỉ đạo, có trách nhiệm phối hợp cùng Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện hỗ trợ nâng cao năng suất chất lượng trong các Hợp tác xã, các doanh nghiệp vừa và nhỏ; hỗ trợ các lĩnh vực liên quan đến nội dung Đề án.

- Cung cấp thông tin về nhu cầu hỗ trợ của các tổ chức, doanh nghiệp về lĩnh vực của đơn vị cho Ban chỉ đạo xem xét và giải quyết.

k) Ban quản lý các khu công nghiệp

- Là thành viên trong Ban chỉ đạo, có trách nhiệm cung cấp thông tin cho các doanh nghiệp trong khu công nghiệp có nhu cầu hỗ trợ và cung cấp thông tin về các doanh nghiệp trong khu công nghiệp cho Ban chỉ đạo

l) Báo Đồng Nai, Đài phát thanh và truyền hình Đồng Nai

- Chịu trách nhiệm hỗ trợ Ban chỉ đạo Đề án trong công tác thông tin tuyên truyền về Đề án Năng suất - Chất lượng của tỉnh.

m) Các địa phương và Sở ngành liên quan khác

- Hướng dẫn, giúp đỡ, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế tham gia Chương trình, gắn kết các hoạt động kinh tế xã hội của đơn vị, địa phương với Phong trào năng suất chất lượng của tỉnh.

3. Phương thức thực hiện

- Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các Sở ngành có liên quan triển khai thực hiện theo kế hoạch hàng năm.

- Khảo sát nhu cầu, khả năng đào tạo cho các ngành chuyên môn theo từng giai đoạn.

- Xác lập kế hoạch hàng năm gắn với mục tiêu, yêu cầu thực tế của các tổ chức, doanh nghiệp để tổng hợp kế hoạch chung của tỉnh trình Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Hướng dẫn doanh nghiệp/đơn vị đăng ký tham gia chương trình và giám sát tiến độ thực hiện theo từng giai đoạn.

4. Kế hoạch thực hiện

- Đề án được triển khai làm 3 giai đoạn:

+ Giai đoạn I (từ năm 2006 đến năm 2008): tiến hành khảo sát và xây dựng các chương trình của Đề án

+ Giai đoạn II (từ năm 2008 đến năm 2010): tiến hành các thủ tục hình thành và triển khai Đề án, chú trọng đẩy mạnh thực hiện một số Chương trình có sẵn của tỉnh, lấy kết quả trong giai đoạn này làm nhân tố tích cực đẩy mạnh phát triển hoạt động năng suất chất lượng của tỉnh.

+ Giai đoạn III (từ năm 2010 đến 2015): Tiếp tục nhân rộng các kết quả đạt được của giai đoạn II, chú trọng công tác tuyên truyền để tạo thành phong trào năng suất chất lượng trong mọi lĩnh vực, mọi đối tượng trong toàn tỉnh. Qua các kết quả đạt được của giai đoạn II, tiến hành sơ kết đánh giá và triển khai tiếp các chương trình có hiệu quả, triển khai các chương trình mới phù hợp theo yêu cầu thực tế của địa phương.

- Trong quá trình thực hiện Đề án, công tác sơ kết, tổng kết để rút kinh nghiệm nhằm nhân rộng tính tích cực của Đề án cần đặc biệt chú trọng. Trong đó có một số thời điểm quan trọng:

+ Năm 2006: Bắt đầu xây dựng Đề án

+ Năm 2008: Thông qua và triển khai Đề án.

+ Năm 2010: Tổng kết giai đoạn I và triển khai giai đoạn II

+ Năm 2015: Tổng kết Đề án.

- Giai đoạn II của Đề án : Tiến hành xây dựng và triển khai thực hiện phức hợp 03 Chương trình, đến năm 2010 sẽ tiến hành tổng kết giai đoạn II để xem xét tiếp tục thực hiện các Chương trình có tính hiệu quả cao, đồng thời sẽ đưa vào tiếp tục các Chương trình mới đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội của địa phương, của ngành.

VI. KINH PHÍ THỰC HIỆN

- Tổng kinh phí thực hiện Đề án là **12.428 triệu đồng** (*phụ lục kèm theo*)

- Định kỳ vào tháng 10 hàng năm, trên cơ sở thông tin của các Sở ngành về nhu cầu hỗ trợ, Sở Khoa học và Công nghệ lập kế hoạch kinh phí thực hiện đề án.

- Nguồn kinh phí thực hiện Đề án được lấy từ nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học được phân bổ hàng năm và nguồn kinh phí này sẽ do Sở Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm quản lý.



PHỤ LỤC

KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN PHÁT TRIỂN NĂNG SUẤT CHẤT LƯỢNG TỈNH ĐỒNG NAI GIAI ĐOẠN 2006 – 2015

Đơn vị tính: triệu đồng

Stt	Nội dung hỗ trợ	Năm thực hiện								
		2009	2010	2011	2012	2013	2014	2015		
1	Hỗ trợ xây dựng các công cụ quản lý tiến tiến cho các cơ quan hành chính	709	1.614	500	500	500	500	500	500	
2	Hỗ trợ xây dựng các công cụ quản lý tiến tiến cho các doanh nghiệp	100	60	200	200	200	200	200	200	
3	Hỗ trợ doanh nghiệp tham gia Giải thưởng Chất lượng Việt Nam	54	54	90	90	90	90	90	90	
4	Hỗ trợ xây dựng tiêu chuẩn	30	30	50	50	50	50	50	50	
5	Hỗ trợ đánh giá chứng nhận: sản phẩm hợp chuẩn, hợp quy, sản phẩm an toàn	15	15	25	25	25	25	25	25	
6	Xây dựng thư viện điện tử về tiêu chuẩn	05								
7	Hỗ trợ xây dựng kế hoạch đảm bảo chất lượng	21	21	35	35	35	35	35	35	
8	Hỗ trợ doanh nghiệp đăng ký nhãn hiệu hàng hóa, kiểu dáng công nghiệp, sáng chế; xây dựng website	330	330	330	330	330	330	330	330	
9	Hỗ trợ doanh nghiệp nghiên cứu phát triển sản phẩm mới, đổi mới công nghệ...	150	150	150	150	150	150	150	150	
10	Hỗ trợ doanh nghiệp chuyên giao công nghệ mới: máy móc, thiết bị.	150	150	150	150	150	150	150	150	

	phần mềm quản lý, hệ thống bảo mật thông tin								
11	Hỗ trợ cho các doanh nghiệp về tư vấn ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ vào trong thực tế sản xuất, kinh doanh;	60	60	60	60	60	60	60	60
12	Hỗ trợ các doanh nghiệp xây dựng, ứng dụng giải pháp tiết kiệm năng lượng vào trong sản xuất kinh doanh	100	200	200	200	200	100	100	100
13	Hỗ trợ cho các tổ chức, doanh nghiệp tiến hành thực hiện lập báo cáo Kiểm toán năng lượng;	100	200	200	200	200	100	100	100
14	Tổ chức tuyên truyền, đào tạo, tập huấn, quản lý, sơ kết, tổng kết	60	60	60	60	60	60	60	60
	Tổng cộng	1.884	2.944	2.050	2.050	1.850	1.850	1.850	1.850

Tổng kinh phí thực hiện Đề án: 12.428 triệu đồng (Mười hai tỷ bốn trăm hai mươi tám triệu đồng)